

Name: .....

Date: ... / ... /20...

Class: S4

Tel: 034.200.9294



Vocabulary: .....

Listening: .....

Mini Test: .....

## AFTER SCHOOL ACTIVITIES

### Vocabulary & Presentation

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

### A. VOCABULARY

| No. | Word                     | Meaning             | No. | Word                      | Meaning                     |
|-----|--------------------------|---------------------|-----|---------------------------|-----------------------------|
| 1   | <b>board game</b> (n)    | trò chơi với bàn cờ | 6   | <b>puzzle</b> (n)         | trò chơi câu đố / mảnh ghép |
| 2   | <b>card game</b> (n)     | trò chơi thẻ bài    | 7   | <b>crossword</b> (n)      | trò chơi ô chữ              |
| 3   | <b>sports game</b> (n)   | trò chơi thể thao   | 8   | <b>exciting</b> (adj)     | thú vị, kích thích          |
| 4   | <b>hide and seek</b> (n) | trốn tìm            | 9   | <b>boring</b> (adj)       | nhàm chán                   |
| 5   | <b>monopoly</b> (n)      | cờ tỷ phú           | 10  | <b>entertaining</b> (adj) | giải trí                    |

| No. | Word                 | Meaning      | No. | Word                    | Meaning         |
|-----|----------------------|--------------|-----|-------------------------|-----------------|
| 1   | <b>meatball</b> (n)  | thịt viên    | 4   | <b>celebrate</b> (v)    | kỷ niệm         |
| 2   | <b>usual</b> (adj)   | thông thường | 5   | <b>pick somebody up</b> | qua đón ai      |
| 3   | <b>several times</b> | vài lần      | 6   | <b>dessert</b> (n)      | món tráng miệng |

**Note:** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, v = verb: động từ

\*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

### B. PRESENTATION

**Topic:** Describe your favourite game

You should say:

- what the game is
- how to play it
- And why you love it

### C. HOMEWORK

**Exercise 1: Circle the correct answer**

0. Did you read the latest \_\_\_\_\_? The President is having a trip to Japan.

A. cartoon

B. show

☒ C. news

1. The game show is \_\_\_\_\_ so we often watch it together.

A. boring

B. entertaining

C. puzzle

2. The \_\_\_\_\_ game is very interesting. In the game, players roll two *dices* (*cái xúc xắc*) to move around the game board, buying and *trading* (*trao đổi*) *properties* (*tài sản*).

A. monopoly

B. hide and seek

C. crossword

3. The boy likes playing this \_\_\_\_\_.

A. sports game

B. comedy

C. newspaper

4. She wants to do the \_\_\_\_\_ in the newspaper.

A. monopoly

B. card game

C. crossword

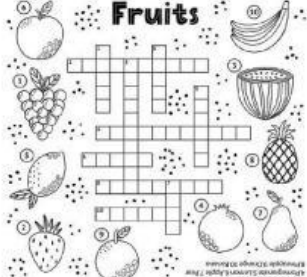
5. I have never watched a(n) \_\_\_\_\_ movie like this. I almost went home *halfway* (*giữa chừng*) through the movie.

A. exciting

B. boring

C. entertaining

### Exercise 2: Look and complete the sentences

|                                                                                     |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|   |    |
| <p>0. This is a <u>crossword</u> about fruits.</p>                                  | <p>1. The boy is playing a _____ o a _____ g _____ me with the girl.</p>              |
|  |  |
| <p>2. They are playing h _____ d e and _____ ek.</p>                                | <p>3. This sport is e _____ ci _____ ing.</p>                                         |
|  |   |
| <p>4. He is winning a _____ rd gam _____.</p>                                       | <p>5. The class is b _____ ing and Ted feels sleepy.</p>                              |

Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=KkNb8zMn6U0>

## Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



### School camping trip

Will stay for 2 nights in the: ..... desert .....

1 Camp is near: ..... Pyramid

2 Children must remember: .....

3 Will ride: .....

4 Meal on first evening: rice and .....

5 Name of new teacher: Miss .....

Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=OnsUq7NBPDE>

 Questions 1 - 5

For each question, choose the correct picture.

1 What time does Greta have her tennis match?



A



B



C

2 What will Tom do next Tuesday?



A



B



C

3 What did the girl do yesterday?



A



B



C

4 How's the boy going home from the station tomorrow?



A



B



C

5 What is the girl going to eat?



A



B



C

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

